

# BÀN TRÒN BA LAN: NHỮNG BÀI HỌC (KỶ 13)

Hội thảo nhân kỷ niệm 10 năm Bàn Tròn Ba Lan tại Đại học Michigan, Hoa Kỳ

7-10/4/1999

Dịch: Nguyễn Quang A

Thứ Sáu 9 tháng 4, năm 1999

## IV NHỮNG HỆ QUẢ CỦA BÀN TRÒN

3:00 pm-5: 00 pm **THAY ĐỔI TOÀN CẦU VÀ BÀN TRÒN**

Bình luận Dẫn nhập:

· [Michael D. Kennedy](#), Phó Giáo sư Xã hội học, Đại học Michigan

Các panelist (tham luận viên):

· [László Bruszt](#), Phó Giáo sư Khoa học Chính trị tại Đại học Trung Âu, tham gia Bàn Tròn Hungary cho phe đối lập

· [Dai Qing \(Đới Tinh\)](#), nhà báo, tác giả, nhà tổ chức nhóm vận động môi trường đầu tiên của Trung Quốc (1989)

· [María de los Ángeles Torres](#), Phó Giáo sư Khoa học Chính trị tại Đại học DePaul, chuyên gia về quan hệ Cuba-Mỹ và cộng đồng Latino Hoa Kỳ

· [Konstanty Gebert](#), tác giả, Tổng biên tập [Midrasz](#)

[Thảo luận](#) Các moderator (điều phối viên):

· Konstanty Gebert, tác giả, Tổng biên tập [Midrasz](#)

· Michael D. Kennedy, Phó Giáo sư Xã hội học, Đại học Michigan

Bình luận Dẫn nhập:

Michael D. Kennedy, Phó Giáo sư Xã hội học, Đại học Michigan

Witamy Panstw. Chào mừng các bạn, quý bà và quý ông, đến với phiên cuối cùng của ngày thứ Sáu. Tôi nghĩ nhiều người chúng ta cảm thấy như chúng ta đã chạy marathon, nhưng hết tốc lực, chạy nước rút, vì vậy tôi đánh giá cao sức chịu đựng của tất cả mọi người ở đây. Nhưng tôi không ngạc nhiên bởi sức chịu đựng đó, vì một trong những điều mà đã hết sức tuyệt vời đối với tôi trong suốt toàn bộ hội nghị này cho đến nay là tôi đang học nhiều đến thế nào, nhiều người đang học nhiều đến thế nào, và còn phải học bao nhiêu nữa. Nhưng trước khi chúng ta đi vào tương lai và dự đoán những gì chúng ta sẽ học trong panel này, tôi nghĩ rằng đây có thể là một trong những khoảnh khắc thích hợp nhất để nhận ra bao nhiêu việc đã được thực hiện nhằm làm cho tất cả chúng ta học được. Vào tối thứ Tư, tôi đã cảm ơn, một cách thích hợp nhất, các nhà tài trợ và các nhà bảo trợ của chúng tôi. Hôm nay, tuy nhiên, tôi muốn công khai cảm ơn những người, những người đã dành rất nhiều thời gian, trí tuệ, năng lượng của họ, trái tim và linh hồn của họ, và tôi có thể nói, luôn quanh quẩn ở đây suốt thời gian, tôi nghĩ, để làm cho hội nghị này là có thể. Trước hết, toàn bộ nhân viên của Trung tâm nghiên cứu Nga và Đông Âu. Angela Dadak, trong vài tháng qua, đã làm việc hoàn toàn dành cho việc này. Tôi không biết cô ấy đã có thể chạm vào đàn violin của mình không. Nhưng tất cả các nhân viên, Roberta Nerison-Low, Marga Miller, Gwen Tessier, Donna Parmelee, toàn bộ nhân viên CREES đã thực sự dành riêng để làm việc này, vì vậy tôi muốn cảm ơn họ rất nhiều, từng người một, bởi thế cảm ơn. Và tôi nghĩ rằng thực sự quan trọng đối với tất cả chúng ta để thừa nhận rằng không chỉ là các nhân viên CREES mà tôi đã nói về. Mà cũng là cộng đồng rất rộng của các moderator, những người đối thoại, tư vấn, mà chúng tôi đã thực sự nhờ đến. Nhiều trong số những người đó đang ở đây. Một số người, như Zbyszek Bujak, có ở đây, một số người, như Đức Tổng Giám Mục Tadeusz Goclowski, đã không thể có mặt ở đây. Nhưng chúng tôi đã nói chuyện với một nhóm người thực sự rộng để tưởng tượng cách tốt nhất để tạo nên hội nghị này. Ngoài những người đó, tất nhiên, có một ban tổ chức. Tôi thực sự biết ơn Piotr Michalowski, người đã có khả năng lợi dụng chuyên môn của mình về vài thiên niên kỷ - ông là một chuyên gia về Cận Đông cổ đại, đối với những người trong các bạn chưa biết

ông ta - và Brian Porter, người lợi dụng chuyên môn của mình có thể chỉ về một vài thập kỷ trong so sánh, để cho phép hội nghị này được phân chủ đề và được diễn đạt hay đến thế. Nhưng, trong khi tất những người này và nhiều, nhiều người hơn nữa mà tôi đã không nhắc tới đã đóng góp to lớn để làm cho hội nghị này có thể, thực sự có hai người phụ nữ những người đã ở trung tâm của việc làm cho toàn bộ dự án này có thể. Và tôi có lẽ phải nói rằng e-mail, hoặc ít nhất đường dây điện thoại, đã là bà đỡ của họ. Marysia Ostafin ở Ann Arbor, Ewa Junczyk-Ziomecka ở Warsaw, đã làm cho toàn bộ điều này xảy ra. Bởi thế cảm ơn mọi người liên can rất nhiều, nhưng đặc biệt là Ewa và Marysia vì làm cho việc này xảy ra. Cảm ơn.

Panel cuối cùng của ngày hôm nay, “Bàn Tròn Ba Lan và Thay đổi Toàn cầu,” chuyển cái nhìn của chúng ta. Với các điều kiện Ba Lan như bối cảnh và nền tảng của chúng ta, giờ chúng ta sẽ xem xét các địa điểm khác của sự thay đổi xã hội triệt để, thực tế và tiềm năng. Chúng tôi đã nhận được tài trợ của Viện Hòa bình Hoa Kỳ để mở rộng ảnh hưởng của hội nghị này sang các ngành khác nhau, và sang nghiên cứu so sánh về những biến đổi được dàn xếp, được thương lượng. Tôi định nói những nhận xét chiều nay là một khởi đầu trong nỗ lực đó. Sau khi tạo ra panel này, đồng nghiệp của tôi từ Pháp, Bogumił Jewsiewicki, đã nói với tôi về một cuốn sách đã được thực hiện bởi các nhà khoa học Nam Phi với mục đích tương tự như việc mà chúng ta định làm hôm nay. Nó đã được Ursula J. van Beek biên tập và có tựa, South Africa and Poland in Transition: A Comparative Perspective (Nam Phi và Ba Lan trong chuyển đổi: Một Góc nhìn So sánh). Bây giờ quyển sách này là rất thú vị. Nó nhận diện những sự tương tự quan trọng giữa sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản ở Ba Lan và sự sụp đổ của chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi. Một số người, tôi biết, sẽ thấy so sánh đó là độc, xúc phạm. Nhưng hãy để tôi giải thích cách bà và các tác giả diễn đạt nó ra sao. Tất nhiên, chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đã là hệ tư tưởng rất khác nhau. Tất nhiên, Đoàn kết, Đại hội Dân tộc Phi đã là các loại rất khác nhau của các phong trào xã hội. Tất nhiên, nomenklatura và những người Afrikaaner đã là các loại rất khác nhau của các nhóm cầm quyền, được tạo thành theo những cách

rất khác nhau. Tất nhiên, Lech Walesa và Nelson Mandela đã hiểu địa chính trị hoàn toàn khác nhau, và vẫn thế. Sự đóng góp của Đức Giáo Hoàng John Paul II và Đức Tổng Giám mục Desmond Tutu cũng khác nhau. Tuy nhiên, những so sánh có thể có lợi. Trong cả hai trường hợp, hệ tư tưởng của hệ thống là khá rõ ràng trong áp đặt các giới hạn về cải cách. Một mặt, là vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, mặt khác là quyền tối cao của người da trắng. Và trong cả hai trường hợp, điều đó đã hạn chế các sáng kiến của các nhà cai trị. Trong cả hai trường hợp, việc huy động của phe đối lập và sự tích lũy hậu quả của những bất thường đã làm cho tư tưởng thống trị tỏ ra ngày càng mâu thuẫn với một thế giới bình thường. Trong cả hai trường hợp, đã có một đàm luận tôn giáo quan trọng mà đã giúp để tạo hình một sự tưởng tượng đạo đức về một tương lai hòa bình. Trong cả hai trường hợp, nỗ lực cải cách bên trong các mệnh lệnh của hệ tư tưởng cuối cùng đã kéo các nhà cải cách vào một con đường bị trừng phạt quốc tế để dân chủ hóa. Trong cả hai trường hợp, các cuộc đàm phán giữa chính phủ và phe đối lập bị cấm trước kia đã định hình con đường dẫn đến một chính phủ hợp đồng hạn chế nhưng được lựa chọn một cách dân chủ. Theo cách nào đó, so sánh này của Nam Phi và Ba Lan là tham vọng hơn cái các diễn giả của chúng ta sẽ nói đến hôm nay. Trong mỗi trường hợp, diễn giả của chúng ta sẽ nói đến các điều kiện của thay đổi cơ bản về xã hội và hệ thống được những người cộng sản cai trị. Theo ý nghĩa này, có một sự giống nhau lớn giữa Trung Quốc, Cuba, và Đông và Trung Âu do cộng sản cai trị, hơn là giữa Nam Phi và Ba Lan. Nhưng không giống sự so sánh Ba Lan-Nam Phi, tầm nhìn toàn cầu của chúng ta ở panel này không phải là sự so sánh về sự thuyết minh các quá trình tương tự. Thay vào đó, tham vọng của chúng ta là để hiểu rõ hơn các điều kiện của sự thay đổi hòa bình, nhưng cơ bản. Và để làm điều đó, cần có những trường hợp mà cuộc cách mạng được đàm phán đã không xảy ra. Dễ thấy nhất là ở Trung Quốc và Cuba. Mỗi trong các trường hợp này rõ ràng là khá khác nhau. Ở Trung Quốc, thế giới đã thấy một cơ hội cho sự chuyển đổi được đàm phán trong năm 1989, nhưng thay vào đó, đã chứng kiến sự đàn áp dã man của nó. Ở Cuba, trong khi sự thay đổi chắc chắn là rõ ràng, ít nhất là nó đã rõ ràng và được hy vọng trong chuyến thăm của Đức Giáo Hoàng John

Paul II, không có cơ hội nào cho sự phát triển của phong trào xã hội đại chúng như thế mà Ba Lan, Hungary, hoặc thậm chí Trung Quốc đã có. Ở đây, một trong những nguồn chính của phe đối lập với chế độ Castro nằm ở Hoa Kỳ, trong cộng đồng người Cuba. Vì thế, khi phe đối lập ở bên ngoài, có vẻ như các điều kiện đàm phán bị thay đổi hoàn toàn. Ngoài sự vắng mặt hay hiện diện của các cuộc đàm phán giải quyết những sự khác biệt cơ bản, ta cũng cần phải coi trình tự một cách nghiêm túc. Khoa học xã hội trọng yếu là hoàn toàn có tính quyết định để hiểu các điều kiện thay đổi. Mỗi quan hệ thời gian giữa các Bàn Tròn Ba Lan và Đông Trung Âu là rất quan trọng để hiểu được chuỗi thay đổi mà đã biến các cuộc cách mạng được đàm phán ở Trung Đông Âu trở thành tiêu chuẩn chính trị của năm 1989. Bản thân László Bruszt đã là một người tham gia trong các cuộc đàm phán Bàn Tròn Hungary. Và ông cũng là một nhà khoa học chính trị và xã hội học chuyên về biến đổi xã hội của Đông và Trung Âu. Cuốn sách của ông với David Stark, Pathways from State Socialism: Remaking Politics and Property (Con đường từ Chủ nghĩa xã hội Nhà nước: Làm lại Chính trị và Quyền tài sản), tôi chân thành giới thiệu. Và bạn có thể đọc ở tạp chí Contemporary Sociology trong một vài tuần, vì sao đó là một cuốn sách tuyệt vời như vậy, ít nhất là ý kiến của tôi về vì sao. Nhưng, hôm nay, ông sẽ thảo luận về tầm quan trọng của Bàn Tròn Ba Lan đối với sự thay đổi của Hungary và nói về các nhân vật đối lập ở Trung Đông Âu đã hình dung thế nào về những lựa chọn thay thế đối mặt với họ vào cuối những năm 1980. Nhưng tất nhiên, vì hội nghị này không ngừng tiến triển, ông cũng có thể làm một cái gì đó khác, mà đó hoàn toàn là đặc quyền của ông. Một trong những biến đổi quan trọng nhất vào năm 1989 đã xảy ra không ở Đông Âu, mà ở Trung Quốc. Khi những người Ba Lan đã đang bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử một phần tự do đầu tiên kể từ khi kết thúc Chiến tranh Thế giới II, thì những người biểu tình ở Thiên An Môn đã đang bị giải tán bởi các nhà chức trách cộng sản Trung Quốc. Dai Qing (Đới Tình), người được biết đến vì công việc của cô về phong trào môi trường, và đặc biệt là cuốn sách nổi tiếng của cô, Dự án Tam Hiệp, xuất bản năm 1989, đã rất quan trọng tại thời điểm đó. Cô đã thử tạo thuận tiện cho việc giải quyết được thương thảo giữa các nhà chức trách đảng và

các sinh viên biểu tình. Giữa những thứ khác, cô đã thảo lá thư của các trí thức như một tuyên bố thỏa hiệp được gửi vào ngày 14 tháng 5 năm 1989. Vì những điều này và những thứ khác, Đới Tình sau đó đã bị bỏ tù, và trong khi cô đã được đọc rất rộng rãi như một nhà báo trước đây, bây giờ cô ấy đã không thể xuất bản, ngay cả dưới một bút danh. May mắn cho Hoa Kỳ, chúng ta có cô như một nghiên cứu viên thỉnh giảng tại Trung tâm Woodrow Wilson, nhưng cô ấy là từ Bắc Kinh. Cuba đã không có cải tổ, cũng chẳng có Bàn Tròn của mình. Tuy nhiên, chúng tôi đã nghĩ rằng đã là rất quan trọng đối với chúng tôi để có María Torres với chúng ta hôm nay. Chuyên môn của cô là về chính trị của cộng đồng người Cuba hải ngoại, thực ra, cuốn sách của cô, *In the Land of Mirrors: Cuban Exile Politics in the United States (Trong Đất nước của Gương: Chính trị lưu vong Cuba ở Mỹ)*, sắp xuất bản từ Nhà xuất bản Đại học Michigan, thực sự là quan trọng đối với các cuộc thảo luận mà chúng ta sẽ có hôm nay. Thực ra, cô ấy không chỉ là nhà phân tích, mà bản thân cô, như với tất cả các panelist của chúng ta, là một người tham gia trong cố gắng để tạo ra sự thay đổi. Cô đã nói với tôi, ví dụ, về những nỗ lực của mình trong các năm 1970, nếu tôi nhớ thập kỷ đúng cách, về việc đi Cuba và thử khởi xướng loại biến đổi được đàm phán mà chúng ta bàn luận về, và về việc đó chúng ta sẽ nghe nhiều hơn không lâu nữa. Cuối cùng, Konstanty Gebert là một moderator với tôi hôm nay, nhưng ông cũng sẽ làm điều gì đó khác nữa. Mặc dù khán giả có thể biết ông Gebert hơn nhất như một nhà bình luận về chính trị Ba Lan, và ông đã sắp xếp việc này một cách hoàn hảo, và với tư cách biên tập viên của Midrasz, và với tư cách một bình luận viên không chỉ dưới tên thật của mình, mà cũng dưới bút danh Dawid Warszawski, ông ấy cũng đã dành nhiều thời gian ở Nam Tư cũ. Ông đã viết một cuốn sách có tên, *The Defense of the Sarajevo Post Office (Bảo vệ Bưu điện Sarajevo)*. Sau các bài thuyết trình của chúng ta, ông Gebert sẽ đưa ra một vài suy nghĩ, đặt các cuộc chiến tranh kế vị của Nam Tư bên cạnh sự chuyển đổi hòa bình và dân chủ của Ba Lan. Trong khi chúng tôi chắc chắn coi trọng đầu vào từ phòng họp, chúng tôi cố gắng để tối đa hóa và làm cho càng hiệu quả càng tốt cuộc trò chuyện chúng ta có ở đây, để tất cả có thể được hưởng lợi từ các panelist của chúng ta. Vì vậy, nếu

bạn có các câu hỏi, xin vui lòng, chúng tôi có những người ở hai bên với các thẻ sẵn có, xin vui lòng gửi chúng lên phía trước, và chúng tôi sẽ kết hợp chúng một cách tốt nhất có thể vào các câu hỏi của chúng tôi cho các diễn giả. Và ngay cả khi chúng tôi không thể đưa được chúng vào câu hỏi của chúng tôi cho các panelist, chúng sẽ trở thành một phần của kho lưu trữ, mà sẽ cấp tin cho suy nghĩ và điều tra tiếp theo xung quanh chủ đề này. Bản thân mỗi panelist của chúng tôi đã đối mặt với một câu hỏi để bắt đầu suy nghĩ của họ. Câu hỏi, về cơ bản, đã là, các cuộc đàm phán Bàn Tròn Ba Lan năm 1989 đã có ảnh hưởng thế nào trong, hoặc chúng có thể được so sánh thế nào với, những biến đổi khác trên toàn thế giới. Các bạn có thể thấy khả năng phóng túng về niêm luật thi pháp. Vì thế tôi hân hoan chờ đợi một trong những phiên sáng tạo nhất của hội nghị. Vì vậy chúng ta hãy bắt đầu với László Bruszt.

Panellist (diễn giả):

László Bruszt, Phó Giáo sư Khoa học Chính trị tại Đại học Trung Âu, tham gia Bàn Tròn Hungary cho phe đối lập

Cảm ơn. Thưa quý vị, để định vị Ba Lan tốt hơn trong những thay đổi chính trị Đông Âu năm 1989, hãy để tôi nói ngắn gọn về hai điều. Thứ nhất, tình hình chung trong nửa cuối những năm 1980 ở Đông Âu đã thế nào. Và thứ hai, tình hình địa chính trị đã ra sao. Và tôi hy vọng rằng với cách đặt Ba Lan vào khuôn khổ này, người ta cũng có thể hiểu rõ hơn ảnh hưởng của các cuộc đàm phán Bàn Tròn Ba Lan và những thay đổi chính trị tiếp theo về sự phát triển chính trị ở Đông Âu đã là gì. Vì thế hãy để tôi bắt đầu với tình hình chung trong nửa cuối của thập niên 80. Trong nửa cuối của thập niên 80, Đông Âu được nhìn nhận, một cách ngắn gọn, như một trong những khu vực vô vọng nhất thế giới. Theo các phân tích chính thức của Hoa Kỳ được thực hiện vào giữa thập niên 80, Đông Âu được xem là khu vực khủng hoảng tiềm năng lớn thứ hai trên thế giới, hoàn toàn gần như, hoặc chỉ sau Trung Đông một chút. Một trong những nhà phân tích tốt nhất về khu vực, Timothy Garton Ash, đã sử dụng từ “Ottoman hóa” để mô tả tình hình trong nửa cuối của thập niên 80 ở Đông Âu, về cơ bản ám chỉ đến sự tan

rã của đế chế Ottoman xưa, tức là, Đông Âu và nói chung, đế chế Soviet, đã được nhìn nhận không chỉ bởi Timothy Garton Ash, mà nói chung bởi các nhà quan sát khu vực, như một đế chế đang tan rã một cách từ từ và không thể ngăn lại được, với các cuộc chiến tranh cục bộ tiềm năng với một số nỗ lực tuyệt vọng để cải cách hệ thống, nhưng là những nỗ lực thất bại để thay đổi thực sự bất cứ thứ gì đáng kể, và không có hi vọng nào cho chuyển đổi hòa bình của tình hình này. Vì thế đây thực sự được coi là một khu vực khủng hoảng tiềm năng. Nếu bạn nhìn vào tình hình bên trong khu vực, có một cảm giác ngày càng tăng về một cuộc khủng hoảng sắp tới, ngày càng nhiều, cũng trong nội bộ, hầu hết các nhà lãnh đạo phe đối lập, và trong một số nước Trung Âu, cả các nhà lãnh đạo chính trị nữa, họ đã bắt đầu nói về khủng hoảng. Có, tất nhiên, một trò chơi với các từ này, nhưng điểm cốt yếu là có một cảm giác ngày càng tăng rằng tình hình kinh tế xấu đi một cách từ từ nhưng không thể chặn lại được, và có một nỗi lo sợ ngày càng tăng rằng việc đó sẽ dần dần có các hậu quả chính trị. Trong hầu hết các nước của đế chế, ta có thể thấy phản ứng sau đây. Chế độ phải được củng cố, và điều này đặc trưng cho Bulgaria, Romania, Đông Đức, Tiệp Khắc và các nơi khác, rằng không có khả năng nào cho cải cách kinh tế và chính trị, chế độ về cơ bản phải tăng cường bộ máy đàn áp của nó và chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất. Có những thay đổi chính trị rất thận trọng, bắt đầu với việc lên nắm quyền của Gorbachev, chủ yếu là ở mức độ tự do hóa, nhưng không ai thực sự biết những thay đổi này có thể đi xa đến đâu. Khi đó, trong một số nước, đầu tiên ở Nam Tư, sau đó ở Hungary, và rất ít cũng ở Ba Lan, có một nỗ lực để thực hiện cải cách kinh tế mà không có cải cách chính trị, nhưng ngày càng trở nên rõ ràng hơn rằng các chi phí xã hội và chính trị của bất kỳ cải cách kinh tế đáng kể nào, bất kỳ cải cách kinh tế có ý nghĩa nào, có thể cao đến mức không thể thực sự xảy ra mà không có sự củng cố cơ sở chính trị của các nước này, và ngoại trừ ban lãnh đạo Nam Tư cũ, Ba Lan đã không và Hungary cũng đã chẳng sẵn sàng để đưa ra loại cải cách chế độ độc tài mà về cơ bản sẽ đưa ra những cải cách kinh tế và chuẩn bị cho việc đàn áp trong trường hợp cần thiết. Như thế, đây là tình hình nói chung, theo cách rất sơ sài. Rồi tình hình địa chính trị như sau.



Vị trí của Gorbachev, đến cuối năm 88, là không ổn định, ngay cả trong mùa hè năm 88 vị trí của ông bị thách thức, và cũng không phải là rõ ông muốn đi xa đến đâu với việc chấp nhận các cuộc cải cách. Vào cuối năm 88, vào tháng Mười hai năm 88, ông tuyên bố chủ thuyết đầu tiên của mình, đây là lần đầu tiên khi ông nói về Thuyết Sinatra, những gì sau đó được đổi tên thành Thuyết Sinatra, mà về cơ bản là, ông chấp nhận rằng có rất nhiều con đường khác nhau đến chủ nghĩa xã hội, và Liên Xô sẽ chấp nhận sự tự quyết của các nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng điều đó thực sự có nghĩa là gì thì không thực sự rõ ràng. Và, trước hết, các nước có thể đi xa đến đâu, họ có thể đi xa đến đâu với tự do hóa chính trị. Không rõ. Liên Xô sẽ có chịu chấp nhận tự do báo chí, tự do lập hội, tự do tôn giáo và lương tâm? Nó sẽ có chấp nhận sự xuất hiện của các đảng chính trị độc lập? Không rõ. Và các nước này có thể đi xa đến đâu với dân chủ hóa chính trị? Liệu có thể không, rằng trong các nước này có thể có bất kỳ sự chia sẻ quyền lực nào với các lực lượng chính trị độc lập? Không rõ. Có thể đặt câu hỏi về vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản? Không rõ. Có thể thách thức Hiệp ước Warsaw không, tức là, để nói về chủ quyền quốc gia? Không rõ. Thuyết Sinatra này có nghĩa là gì, không rõ. Và cũng thế, không rõ vị thế của Gorbachev có thể bị ảnh hưởng ra sao bởi những thay đổi có thể có trong các nước chư hầu. Nếu bạn nhìn vào Mỹ, cũng có sự bất trắc cao để đánh giá Gorbachev và để đánh giá các khả năng thay đổi chính trị thế nào. Trong năm 88, cuối 88, một tổng thống mới được bầu, và trước khi thậm chí ông nhậm chức, Kissinger tiếp cận ông và đưa cho ông một giải pháp để giảm sự không chắc chắn này. Giải pháp ông đưa ra, về cơ bản, là để ra khỏi sự không chắc chắn của ông, để ra khỏi Yalta, bằng con đường của một Yalta thứ hai. Tức là, để đi và ký kết với những người Nga một thỏa thuận mới trên đầu những người Đông Âu, mà về cơ bản sẽ tạo những sự bảo đảm cho Liên Xô rằng các nước và không gian mà nó để lại sẽ không bị Mỹ chiếm hoặc chiếm đóng. Và thậm chí trước khi Bush vào Nhà Trắng, Kissinger đi Moscow để tiến hành một số cuộc trò chuyện thăm dò với Gorbachev. Nhưng sau đó toàn bộ ý tưởng về phốt lờ những người Đông Âu để tạo ra một Yalta mới, một Yalta thứ hai, cho dù là cách để ra khỏi thỏa thuận Yalta, bị từ chối bởi nhiều chuyên gia của Bush, và

cũng bởi các quan chức của Bộ Ngoại giao, và bị phản đối mạnh mẽ bởi một số đại sứ và đại sứ quán của Mỹ trong khu vực. Cho nên trong giai đoạn này, đặc điểm quan trọng nhất, từ quan điểm về tình hình địa chính trị, là sự bất trắc, sự không chắc chắn. Sự không chắc chắn về những người Đông Âu có thể đi xa đến đâu, và cái là rõ từ sự ủng hộ thận trọng của Mỹ đối với những thay đổi này cũng là nó không ủng hộ bất kỳ giải pháp nào mà có thể xảy ra trên đầu những người Đông Âu. Cho nên, về cơ bản, tùy bản thân những người Đông Âu để kết thúc Yalta. Trong tình huống này, các tín hiệu, không chỉ các tín hiệu, mà những gì, hay chính xác hơn, không chỉ các tín hiệu, mà là các sự kiện, những gì đã được nhấn mạnh ở đây rồi, đã đóng một vai trò rất quan trọng. Và trong những sự kiện, những sự kiện sinh sôi này, những người Ba Lan đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng, về cơ bản cho đến cuối tháng Tám năm 89. Họ đã báo hiệu, hoặc họ đã tạo ra các sự kiện mà đã báo hiệu cho các công dân và các nhà cai trị của khu vực, những gì là có thể, họ có thể đi xa đến đâu, những gì được chấp nhận và chiến lược nào tạo ra các sự kiện như vậy. Như tôi đã nói với các bạn, đã là không rõ các nước có thể đi xa đến đâu trong tự do hóa chính trị. Như một kết quả của các cuộc đàm phán Bàn Tròn Ba Lan, đã trở nên rõ ràng vào tháng Tư, và sau đó vào tháng Năm, rằng có thể hợp pháp hóa các tổ chức chính trị độc lập, có thể chấp nhận sự tồn tại của báo chí tự do. Trong tháng Năm, Gazeta Wyborcza, nhật báo độc lập tự do đầu tiên của khu vực đã xuất hiện. Là có thể để thể chế hóa các luật cho phép cho tự do lập hội. Là có thể để tạo ra những luật cho phép tự do tôn giáo và lương tâm. Và rồi, trong tháng Sáu, cái trở nên rõ ràng, không chỉ là có thể tạo ra các cuộc bầu cử nửa tự do, mà là phe đối lập có thể thắng các cuộc bầu cử và những người cai trị, và điều này là quan trọng hơn, hoặc ít nhất là quan trọng, và các nhà cai trị sẽ chịu chấp nhận điều đó, hoặc sẽ chấp nhận quyết định [của nhân dân]. Và cuối cùng, tháng Tám có lẽ là sự kiện cuối cùng và quan trọng nhất, mà báo hiệu cho Đông Âu, với sự hình thành của chính phủ Mazowiecki, với việc bổ nhiệm Thủ tướng không cộng sản đầu tiên trong khu vực. Rằng cái ở trong phạm vi của các khả năng không chỉ là sự tự do hóa chính trị, không chỉ là sự chia sẻ quyền lực, mà cũng là một niềm hy vọng về một sự thay đổi chế độ một

cách hòa bình. Cho đến tháng Tám năm 89, phạm vi của các khả năng, và thậm chí sự đàm luận đã là về những khả năng của cái được gọi là mô hình thay đổi, thậm chí, xin lỗi, thay đổi mô hình. Và ngày càng trở nên rõ ràng rồi vào lúc đó, những người Hungary đã bắt đầu các cuộc đàm phán về các cuộc bầu cử tự do, nhưng tín hiệu thực sự đầu tiên rằng có một con đường hòa bình khả dĩ ra khỏi chế độ đi cùng với sự đề cử Mazowiecki làm Thủ tướng và sau đó là việc thành lập chính phủ không cộng sản đầu tiên ở Đông Âu. Đây đã là những tín hiệu vô cùng quan trọng đối với các nhóm đối lập ở Đông Âu và cũng đối với người dân nói chung rằng, về cơ bản thông điệp đã là, rằng nếu không phải cho những người cai trị trong nước, họ có thể đạt được cùng những thứ trong nước họ. Và nó cũng đã là, đây đã là những thông điệp rất quan trọng đối với cả các nhà cải cách lẫn những người cứng rắn trong các chế độ này. Rằng họ đang ngồi trên một quả bom nổ chậm, và họ không thể trông mong vào Liên Xô. Trở lại với năm 88, rất quan trọng để nhấn mạnh rằng những thay đổi này đã không được liên kết trực tiếp ở Ba Lan và những thay đổi ở Hungary. Chúng đã không được liên kết trực tiếp với những thay đổi ở Liên Xô. Rất thường bị bác bỏ, có thể được hiểu rằng những thay đổi chính trị được suy ra từ những thay đổi ở Liên Xô, và có sự bàn tán kết hợp về hiệu ứng Gorbachev. Những thay đổi trong hệ thống chính trị đã được bắt đầu rồi, và như thế ý tưởng và sau đó là các bước đầu tiên đã được tiến hành sớm hơn khi vị thế của Gorbachev được ổn định rất nhiều và sớm hơn khi Thuyết Sinatra được công bố lần đầu tiên rất nhiều. Về cơ bản vào giữa năm 88 ở cả hai nước, rất giống nhau ở Hungary và Ba Lan, những ý tưởng rất giống nhau đã được nêu lên về sự thay đổi chính trị. Cả hai đều nhấn mạnh hai yếu tố, yếu tố hòa bình, bất bạo động của sự thay đổi, nguồn gốc của việc đó quay lại các năm 70, quả thực, nguồn gốc của sự thay đổi hòa bình, bất bạo động này, và nếu có những câu hỏi, tôi sẽ vui lòng nói về nó. Sự thay đổi khác, cái khác là, phe đối lập ở cả hai nước đã sẵn sàng để tham gia, để chia sẻ trách nhiệm, để đổi lấy việc chia sẻ quyền lực. Rất lý thú, đây là sự trớ trêu của lịch sử rằng những người Hungary, bất chấp những sự giống nhau rất rõ rệt với phe đối lập dân chủ Ba Lan về những ý tưởng, họ đã không thể đi đến thỏa hiệp này, và họ đã không thể tham gia vào

cuộc đối thoại như vậy với chế độ cho đến tháng Sáu năm 89. Và các ý tưởng khác của lịch sử mà các cuộc đàm phán Bàn Tròn Ba Lan đã đạt được là rất giống với những ý tưởng đã được phe đối lập dân chủ Hungary nêu ra. Đây là một điều không chú ý, nhưng về cơ bản kết quả của các cuộc đàm phán Bàn Tròn Ba Lan là một cái gì đó đã được mô tả đầu tiên trong khế ước xã hội được viết vào đầu năm 88 của phe đối lập dân chủ Hungary, mà về cơ bản nói rằng những người cộng sản nên giữ lại một cái gì đó mà có thể được gọi là Thượng viện, và người dân cần phải có được Hạ viện, một hạ viện được bầu một cách tự do. Là một sự trớ trêu của lịch sử rằng các công nhân Ba Lan đã có được đại diện của họ không trong một Hạ viện, mà trong một cái gì đó được gọi là Thượng viện. Nhưng ý tưởng đã là như nhau. Bây giờ tôi vẫn còn hai phút, cho nên chỉ ngắn gọn. Những người Hungary đã không thể đi đến thỏa hiệp này, không phải vì họ đã không muốn, mà vì họ đã quá yếu. Để tiến hành đàm phán thỏa hiệp, và như thế là một kiểu dân chủ hóa, thì được giả định trước để phát biểu nhân danh xã hội. Điều đó đã nổi lên từ từ ở Ba Lan, vào cuối năm 88, và nó đã không xảy ra, phe đối lập Hungary đã không bao giờ có khả năng, đã chẳng bao giờ cảm thấy rằng nó có thể lên tiếng nhân danh xã hội, ngay cả khi các cuộc đàm phán bắt đầu, lập trường của họ đã tương phản rất rõ ràng với Đoàn kết ở Ba Lan. Họ đã có thể đủ khả năng để tham gia vào thỏa hiệp, chúng tôi không thể làm điều đó, bởi vì chúng tôi không thể nói [nhân danh xã hội], chúng tôi không có kiểu ủy nhiệm đó. Và điều khác nhau thứ hai đã là việc, ở Hungary, các nhà cải cách cũng yếu hơn trong việc thắng chế độ, và họ đã chỉ mạnh hơn vào tháng Năm-tháng Sáu năm 1989, một phần do tác động của những thay đổi Ba Lan. Cuối cùng, ở Hungary, trong việc chấp nhận... tự do... thêm hai phút nữa ... một ... OK ... trong việc chấp nhận các cuộc đàm phán được bắt đầu vào ngày 10 tháng 6 về bầu cử tự do, điểm yếu được cảm nhận, điểm yếu bầu cử của phe đối lập đã đóng vai trò quan trọng. Chế độ đã chấp nhận rằng phe đối lập từ từ và dần dần sẽ có khả năng để huy động xã hội. Họ đã chỉ cần xem lịch. 16 tháng Sáu, 23 tháng Mười, và vân vân, tất cả là những ngày kỷ niệm cuộc cách mạng Hungary 1956, và họ đã biết rằng phe đối lập Hungary sẽ có khả năng huy động ngày càng nhiều người. Cho nên họ sợ rằng

nếu họ để thời gian cho phe đối lập, thì phe đối lập sẽ đánh bại họ trên đường phố. Nhưng họ cũng đã đang theo dõi rất cẩn trọng các cuộc thăm dò cử tri. Họ đã đang theo dõi những kết quả khác nhau của các cuộc điều tra, mà đã cho thấy vẫn còn, phe đối lập vẫn còn quá yếu để thắng các cuộc bầu cử tự do. Những người cộng sản đã có thể nhận được ba mươi, bốn mươi phần trăm trong các cuộc bầu cử tự do, mà là đủ để cho họ tiếp tục nắm quyền. Và họ đã có một người đại diện, Imre Pozsgay người vẫn còn được lòng dân, và phe đối lập vẫn đã không có một nhân vật như Lech Walesa ở Ba Lan người có thể đánh bại một ứng viên cộng sản. Cho nên điều đó đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc tham gia vào các cuộc bầu cử tự do. Cuối cùng, có một điều. Đó là một điều cá nhân. Tôi đã rất ngạc nhiên bởi những ám chỉ này, bởi nhiều sự nhắc đến trong hội nghị này mà một số nhà quan sát Ba Lan ngày nay vẫn nghĩ rằng giải pháp thỏa hiệp này đã là một sự hỗ trợ cho các nhà đàm phán Ba Lan. Tôi đã hơi ngạc nhiên, bởi vì các kết quả. Các cuộc đàm phán hòa bình Ba Lan đã có một tác động không chỉ lên Hungary hoặc các cuộc đàm phán khác, mà sự thỏa hiệp này cũng đã có một tác động lên những thay đổi chế độ như Czech hoặc Đức, nơi việc huy động quần chúng đã cao đến mức các nhà lãnh đạo chính trị của phe đối lập đã có thể dễ dàng dẫn quần chúng chống lại các trụ sở đảng và bắt đầu sự thay đổi chế độ bằng bạo lực. Và lý do vì sao họ đã không làm điều đó, lý do quan trọng nhất vì sao họ đã không làm điều đó, họ đã được dẫn dắt bởi cùng các giá trị tinh thần, mà đã dẫn dắt các nhà đàm phán Ba Lan và phe đối lập dân chủ Ba Lan, rằng người ta không thể có được, không thể thiết lập được nền pháp trị... theo một cách ngược. Rằng nhân quyền phải được tôn trọng và bản chất hoà bình và bất bạo động của các cuộc đàm phán là vô cùng quan trọng và là một giá trị tự thân. Đây là lý do vì sao phe đối lập dân chủ Czech đã chấp nhận rằng chính phủ đầu tiên sau các cuộc đàm phán Bàn Tròn được lãnh đạo bởi một người cộng sản và không phải bởi một người nào đó từ phe đối lập. Và nếu bạn nhìn vào khu vực, một năm, một năm rưỡi sau các cuộc đàm phán Bàn Tròn Ba Lan, đã chỉ có hai chính phủ không cộng sản trong khu vực, Ba Lan và Hungary. Thế đấy, cảm ơn rất nhiều.

Panellist (diễn giả):

Dai Qing (Đới Tình), nhà báo, tác giả, nhà tổ chức nhóm vận động môi trường đầu tiên của Trung Quốc (1989)

Thưa quý vị, tiêu đề tôi sẽ thảo luận với các bạn chiều nay là “Thiên An Môn đúng Phối cảnh: Mười năm sau.” Vào đầu mùa xuân năm 1989, Bắc Kinh đã có vẻ rất yên bình. Mặc dù nhà nước đảng và xã hội đã đối lập nhau rồi, các mối quan hệ vẫn đã không căng thẳng như chúng đã từng là trong quá khứ. Nhưng dưới thời Đặng Tiểu Bình, vị hoàng đế đã quá cố, cuộc chiến giữa hai phe phái bên trong đảng, tức là, các nhà cải cách và những người theo đường lối cứng rắn, đã khởi động rồi, và đã không có sự thoái lui. Tại thời điểm này, cựu Tổng bí thư Hồ Diệu Bang, người trước đó đã bị sa thải trong một cuộc tranh chấp nội bộ đảng, đột ngột qua đời. Cái chết của ông đã phá vỡ bề mặt yên bình, và thông điệp đã đem lại phạm vi cho sự bất mãn phổ quát, hy vọng rằng đây sẽ là một bước ngoặt cho cải cách nhanh chóng. Lúc này, tại Ba Lan, khi năm mươi lăm đại diện của Bàn Tròn đã vừa ký kết một thỏa thuận và đang trong quá trình chuẩn bị chính phủ không cộng sản đầu tiên được nền dân chủ tạo ra, ở Trung Quốc hai phái trong nội bộ đảng đã theo dõi diễn tiến của tình hình này với sự quan tâm. Các nhà cải cách, những người ở vị trí thống trị khi đó, đã hy vọng rằng tình hình có thể được quản lý. Còn các đối thủ của họ, những người bảo thủ cứng rắn kiểm soát quân đội, đã âm thầm hy vọng rằng tình hình hỗn loạn sẽ khiến cho họ [các nhà cải cách] mất quyền lực. Vào mùa xuân năm đó, có thể nói rằng một số khá lớn người Trung Quốc vẫn có một niềm tin nhất định vào đảng cộng sản và vẫn có hy vọng yếu ớt cho cải cách. Trong thập kỷ qua, cải cách và chính sách mở cửa đã chắc chắn mang lại cho những người bình thường một số lợi thế rõ ràng. Tuy nhiên, vì đảng cộng sản đã thiếu niềm tin vào tính hợp pháp của nó, ngay cả phái cải cách đã cố chấp trong việc kiểm soát cứng nhắc dư luận, và trong tuyên truyền nhồi sọ của nó với những khuôn sáo nhàm chán. Chính sách này đã ngăn cản người dân hiểu những cải cách của họ, và như thế, tất nhiên, phái cải cách bị mất mối liên kết của nó với nhân dân. Vào ngày 17 tháng 4, hai ngày sau khi Hồ Diệu Bang qua đời, các sinh viên ở Bắc Kinh đã xuống đường phố. Trong bảy tuần, những nỗ lực của cuộc dân chủ hóa của Trung Quốc đã trải qua một chu kỳ nhanh

chống về huy động, cực đoan hóa, phân cực hóa, đối đầu đẫm máu, và đàn áp. Mười năm của một quá trình chậm chạp của tự do hóa hạn chế đã giành được cho người dân Trung Quốc chỉ một không gian thở rất nhỏ. Và trong triều đại của các xe quân sự, vào đầu mùa hè, những lợi lộc đó đã hầu như bị xóa bỏ hoàn toàn. Cái còn lại đã là việc dựa vào quân đội, và sự đàn áp những người tự do như đặc tính phân biệt của cải cách định hướng thị trường, và nó đã trực tiếp dẫn đến tham nhũng tràn lan và xã hội bất công mà chúng ta có ngày nay. Và như thế, trong bảy tuần này, liệu đã có bất cứ gì mà đã có thể tạo thuận lợi cho một sự chấm dứt được thương lượng của cuộc phản đối, do đó làm cho cải cách Trung Quốc quay trở lại một sự chuyển đổi theo hướng tự do dân chủ? Câu trả lời là, nói chung, hầu như không có khả năng nào cho một kết quả như vậy. Đó là bởi vì, theo nguyên tắc của khoa học chính trị, thế mạnh của hai bên càng trở nên ngang nhau hơn, thì càng dễ dàng hơn để đạt được một kết quả đồng thuận. Một phần của quá trình này bao gồm sự đánh giá khách quan của mỗi bên về thế mạnh của riêng mình và của đối phương. Năm 1989, tình hình ở Trung Quốc đã là, sự hiếm có của mục tiêu nhất định trong thời gian chuyển tiếp đã khiến cho việc đánh giá này rất khó để tính toán. Chế độ đảng cộng sản có thể coi thế mạnh của riêng nó như là vô song. Tuy nhiên, đã có thể rằng nó đã hoàn toàn mất niềm tin theo âm thanh của một triệu người đòi lập. Ở phía bên kia, sự tự tin của các sinh viên có lẽ đã phòng lên với thành tích đột ngột của họ, nhưng họ có lẽ cũng đã hiểu rằng thực ra, họ đã không có tổ chức ổn định nào. Mặc dù đôi khi đả của họ có vẻ rất lớn, nội tại... tại Quảng trường Thiên An Môn cách đây mười năm. Thời kỳ đầu tiên, từ 17 tháng 4 đến ngày 26, trong mười ngày đầu tiên, Triệu Tử Dương, Tổng bí thư lúc đó và phụ thuộc vào quyết định của Đặng Tiểu Bình, đã chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề sinh viên. Thái độ của chính quyền đã là thái độ kiểm chế chưa từng có. Nếu sự kiện này cuối cùng đã dẫn đến kết quả này, thì khi nói về những người tìm kiếm cơ hội nào đó cho sự toàn trị, đã có thể nói rằng họ đã đạt được thành công nhất định. Giai đoạn thứ hai, Triệu đi Bắc Triều Tiên trong một chuyến thăm tình cờ. Phái cứng rắn đã tóm lấy cơ hội, theo phong cách quản lý riêng của họ, để đăng một bài xã luận vào ngày 26, đầy rẫy đe dọa và tuyên truyền. Người dân đã

bị chọc tức điên lên bởi giọng điệu của bài xã luận, giọng điệu đã trở nên ít quen thuộc hơn, kể từ phong trào khai sáng vào năm 1978. Và các sinh viên, những người đã vừa học được sức mạnh của đường phố một cách dễ dàng, trong chỉ vài ngày, đã có được một cảm giác an toàn với sự hoan hô của người dân tràn ngập các vỉa hè và sự chú ý do giới truyền thông trên toàn thế giới gây ra. Các sinh viên đã được cổ vũ hết sức. Cái đã xảy ra vào ngày hôm sau là một cuộc biểu tình lớn, ngày 27 tháng Tư, với mười lăm nghìn sinh viên, một triệu cư dân thành phố, kể cả vài ngàn sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài. Lúc này, từ phía sinh viên, đã có thể nói rằng nó đã được tổ chức, và đòi hỏi của nó là vừa phải. Về phía chính phủ, không có sự đàn áp nào. Hai ngày sau, vào ngày 29 tháng Tư, một bộ phận của đảng, được gọi là Mặt trận Thống nhất, các quan chức nhiệt tình đã tổ chức một cuộc chiêu đãi làm vui lòng các nhà trí thức độc lập ở Bắc Kinh. Trong phát biểu của họ, các quan chức đã xác nhận tinh thần yêu nước của sinh viên và quá khứ dân chủ mà đảng đã phục hồi. Có vẻ như là phái cải cách đã nhận ra rằng cách tiếp cận ôn hòa của họ đã đạt được thành công. Về phần mình, các sinh viên cũng đã đạt được thành công lớn, bởi vì đòi hỏi của họ cho tờ báo của mình đã được chính quyền chấp thuận. Đây đã có thể được coi là một bước quan trọng hướng tới tự do hóa, nhưng đáng tiếc, họ đã không hiểu điểm này và đã không ghi lại những thỏa thuận bằng lời của họ với chính phủ để làm cho chúng đúng là ràng buộc. Giai đoạn thứ ba, một vài ngày sau đó, Triệu Tử Dương trở về Bắc Kinh. Một lần nữa, các đòi hỏi của sinh viên leo thang, sự leo thang, đã kiến nghị đối thoại với các quan chức, và hơn nữa, phát sóng trực tiếp trên TV. Điều này không nghi ngờ gì biểu thị sự công nhận của chính quyền về các tổ chức của sinh viên, và sự hợp pháp hoá này của tổ chức sinh viên được thành lập một cách tự phát biểu thị sự bắt đầu của một sự thay đổi cơ bản trong mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội. Nó đã là một bước tiến lớn cho cải cách. Không khó để hiểu, tuy vậy, theo các điều kiện ở Trung Quốc lúc đó, phái cải cách trong chính phủ, bất kể họ đã cởi mở đến thế nào, họ đã không có cách nào để hoạt động. Triệu Tử Dương đã mạo hiểm rất nhiều để đáp ứng trong các lĩnh vực khác, mà ông nghĩ rằng đã có một khả năng. Hai lần, ông đã phát biểu để trung hòa những người cứng rắn, và



chính nhờ sự nài nỉ của ông mà một vòng mới né tránh cuộc biểu tình ngày 4 tháng Năm của sinh viên đã không bị đàn áp. Đồng thời, ông đã cố gắng hết mức để giải quyết một số vấn đề cụ thể. Khi các đòi hỏi của sinh viên phản đối tham nhũng, chống đặc quyền đối với cán bộ, câu trả lời của Triệu đã là, chúng tôi sẽ làm tất cả những gì chúng tôi có thể làm. Con trai hay con gái của các quan chức không được phép tham gia vào kinh doanh, các bạn có thể bắt đầu bằng cách lấy con trai tôi làm ví dụ. Thứ hai, các sinh viên đòi tự do báo chí, và đồng nghiệp của Triệu, Hồ Khởi Lập, nhà cải cách khác, một trong năm thành viên thường trực của Ủy ban thường vụ Bộ Chính trị của đảng cộng sản, người cũng đã bị sa thải sau 4 tháng Sáu, đã phản ứng tích cực. Ông đã gặp các phóng viên và các học giả trong giới báo chí và đồng ý rằng một số nhà tự do nổi tiếng đã có thể công bố quan điểm của họ về vấn đề này trên báo chí chính thức. Do chính quyền chấp nhận loại thái độ này, các sinh viên trong tất cả các trường đại học ở Bắc Kinh đã chấp nhận thông báo đình chỉ việc bãi khóa của họ. Trật tự xã hội cơ bản đã được phục hồi. Thời kỳ thứ tư. Đã vẫn chưa có đủ bằng chứng tại điểm này để có thể giải thích vì sao trong bối cảnh này, một số lãnh đạo cấp tiến của sinh viên lại một lần nữa khiến cho tình hình leo thang. Và hơn thế nữa, sử dụng phương pháp cực đoan, tuyệt thực. Từ 13 đến 17, những người cực đoan đã khăng khăng đòi các điều kiện mà chính quyền không bao giờ có thể chấp nhận. Họ đã đánh bạc với cuộc sống của những người trẻ, và không chịu nhượng, ngay cả yêu cầu tối thiểu của Chính phủ, tức là, tạm thời chịu nhượng và nhượng đường từ Quảng trường Thiên An Môn cho công việc quốc gia chào đón Tổng thống Gorbachev. Cuối cùng, vào ngày 17 tháng 5, sau năm ngày tuyệt thực của các sinh viên, Triệu cuối cùng đã có sự cho phép của đảng ông và đã đi đến quảng trường đại diện cho năm thành viên nổi tiếng của Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị, ông đã thực hiện một nỗ lực cuối cùng, mà trong đó ông đã đề xuất một sự nhượng bộ mà chính phủ sẵn sàng chấp nhận. Tức là, chính phủ sẽ không có hành động nghiêm trị nào. Nếu sinh viên ngừng tuyệt thực của họ và rút khỏi Thiên An Môn ngay lập tức và vô điều kiện. Với nước mắt lưng tròng, ông đã không thể nói nhiều hơn với những đứa trẻ xung quanh ông. Ông đã chỉ nói, là quá muộn để tôi gặp các bạn. Và tôi là

một người già, các bạn, các bạn trẻ phải cẩn thận, bởi vì các bạn có một tương lai tươi sáng. Nhưng, các nhà lãnh đạo sinh viên đã không trả lời. Ngày 18 tháng Năm, Lý Bằng, người mạnh nhất trong những người cứng rắn, đã đích thân xuất hiện để gặp sinh viên và giải thích những nhượng bộ có thể của chính phủ. Các nhà lãnh đạo cực đoan đã bất ngờ tăng sự cứng nhắc của họ, thậm chí đến mức thô lỗ trong phản ứng của họ. Thậm chí còn hơn thế, tại chính thời điểm đó nhóm trí thức nổi tiếng và được ngưỡng mộ, các nhà lãnh đạo của phái tự do, như người ta đã gọi họ, đã hành động theo tin đồn rằng chính phủ sắp đổ, và đã công bố một tuyên bố có lời lẽ vô cùng mạnh mẽ, đả đảo chế độ độc tài hiện tại và chấm dứt sự cai trị của lão già. Những người theo đường lối cứng rắn bây giờ đã có đủ lý do để không nhượng bộ nhiều hơn. Các nhà chức trách đã quyết định áp dụng một biện pháp nghiêm ngặt, việc áp đặt thiết quân luật. Giai đoạn thứ năm, từ áp đặt thiết quân luật đến đàn áp vũ trang cuối cùng, đã có hai tuần. Những người biểu tình về cơ bản đã có cơ hội nhiều lần để rút lui mà không có bất kỳ lợi lớn nào nhưng cũng chẳng bị thiệt hại khủng khiếp nào. Và phẩm giá của họ cũng đã có thể được duy trì. Nhưng phong trào đã tuột khỏi tầm kiểm soát rồi. Nhiều tổ chức đã được thành lập vào thời gian này, và một số đã cân nhắc để lấy tên của họ là Đoàn kết. Tính toán ý định của các nhà chức trách và chuẩn bị tương lai của mình, các nhà lãnh đạo cực đoan đã chỉ sử dụng xúc cảm có cường độ cao nhất trong cuộc trò chuyện của họ với chế độ, mà đối với những người tiếp tục ở lại quảng trường là như đổ thêm dầu vào lửa. Vào ngày 2 tháng Sáu, nỗ lực cuối cùng của các nhà cải cách, các đại diện của con trai cả của Đặng Tiểu Bình đã cố gắng tư vấn cho các sinh viên để bắt đầu rút lui và ông Đặng trẻ đã nói ông sẽ làm hết sức mình để thuyết phục cha ông không sử dụng vũ lực. Thật bất ngờ, nó cũng không mang lại kết quả. Vào lúc nửa đêm ngày mùng 3 tháng Sáu, xe tăng đã tiến vào quảng trường. Bốn người ôn hòa, một ca sĩ, một giáo viên, một học giả, và biên tập viên, cùng với một bác sĩ, đi ra ngoài và đạt được thỏa thuận với quân đội, rút lui vô điều kiện tại một thời điểm được chọn. Các nhà lãnh đạo cực đoan đã không chặn họ lần này và một lần nữa họ đã có được sự giúp đỡ trong chạy trốn. Đây là ngày bi thảm nhất trong lịch sử chính trị thế kỷ XX của Trung Quốc. So với các cuộc

đàm phán Bàn Tròn tại Ba Lan, cái đã xảy ra ở Bắc Kinh cách đây mười năm đã không phải là một phong trào dân chủ lớn, như nó được hiểu một cách rộng rãi, mà đã là một thụt lùi nghiêm trọng đối với nền dân chủ, một thảm kịch. Cái đã xảy ra ở Thiên An Môn năm 1989, một số nhà bình luận ... OK, vâng... Tôi không biết ... vâng ... ở Trung Quốc, vào mùa xuân năm 1989, phong trào đã đến đầu tiên và sự tổ chức, nói thẳng, đã được ráp lại với nhau sau đó. Đó đã chính xác là hành vi bình thường của một xã hội vừa đang nổi lên từ sự kiểm soát toàn trị của nhà nước đảng. Một số người sau đó chiếm vị trí lãnh đạo đã liều lĩnh, xem cách giải quyết như một lễ hội. Sự hiểu biết của họ về tự do và dân chủ đã rất hạn hẹp, bị hạn chế không chỉ bởi lịch sử và văn hóa Trung Hoa, mà cũng bởi kinh nghiệm của riêng họ [trong quá trình] trưởng thành. Phong trào dân chủ của Trung Quốc đã không có một con đường tắt để theo. Các đối thủ từ nhà nước đảng đối với xã hội bị đàn áp do các cuộc đàn áp ngày 4 tháng Sáu gây ra, là cuộc khủng hoảng chính trong cải cách và phát triển của tương lai. Có rất nhiều kinh nghiệm mà Ba Lan có thể truyền lại cho Trung Quốc, nhưng kinh nghiệm đầu tiên là dân chủ chỉ có thể đến thông qua hòa giải và thỏa thuận giữa nhà nước và xã hội. Việc đạt được nó chỉ có thể có được thông qua một nỗ lực không mệt mỏi, thông qua các mối đe dọa và các mối phản-đe dọa, thông qua cạnh tranh, đối thoại và đàm phán. Mười năm đã trôi qua. Như một điều cấm kỵ chính trị, không ai ở Trung Hoa lục địa đã có thể nhận được sự cho phép của nhà nước đảng, của ban tuyên huấn của Ủy ban Trung ương đảng cộng sản, để sản xuất một bộ phim hay phim tài liệu truyền hình hoặc xuất bản một cuốn sách, bài báo, hoặc triển lãm, tác phẩm điêu khắc, một bức tranh hay một bức ảnh về những gì đã xảy ra cách đây mười năm ở Bắc Kinh và các thành phố khác ở Trung Quốc. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt đã được thực hiện ở Thiên An Môn từ năm nay. Ngược lại, các cựu lãnh đạo sinh viên cấp tiến, bây giờ hầu hết đã định cư tại Hoa Kỳ, đang cố gắng để thu thập một triệu chữ ký để buộc chính phủ sửa chữa lại ngày 4 tháng Sáu. Vẫn theo cách hoàn toàn trắng hoặc hoàn toàn đen. Đến năm nào Bàn Tròn về sự sụp đổ được thương lượng của chủ nghĩa cộng sản ở Trung Quốc sẽ diễn ra? Cảm ơn.

Panellist (diễn giả):

María de los Ángeles Torres, Phó Giáo sư Khoa học Chính trị tại Đại học DePaul, chuyên gia về quan hệ Cuba-Mỹ và cộng đồng Latino Mỹ

Hãy xem, tôi sẽ cố gắng để gói gọn bốn mươi năm lịch sử cách mạng Cuba vào mười lăm phút. Nhưng trước hết, tôi muốn cảm ơn Trung tâm CREES ở đây, và Chương trình Nghiên cứu Mỹ La tin về lời mời. Đối với tôi đây đã là một kinh nghiệm học tập rất phong phú. Tôi đã nghiên cứu ở đây vài năm trước, nhiều năm trước, và trường đại học đã thực sự thay đổi. Một mặt, nó đã trở thành một nhà bảo vệ dân chủ, mở ra các trường đại học cho các sinh viên ở đây tại Hoa Kỳ, và đồng thời nó cũng đưa vào các giáo sư, những người chú ý đến và rất quan tâm đến việc nuôi dưỡng dân chủ ở nước ngoài. Thời gian qua, thực ra, tôi đã ở đây cho một hội nghị giữa những người Cuba được tổ chức bởi Ruth Behar từ Bộ môn Nhân chủng học, một dự án rất quan trọng mà rõ ràng là đã không có tầm quan trọng mà Bàn Tròn đã có, nhưng trong trường hợp Cuba, có lẽ chúng ta cần phải nhìn vào các thứ không trong bối cảnh không tương tuyệt vời, mà là một cái gì đó khá nhỏ, mà đã là một cuộc hội nghị về những cây cầu, quy tụ nhiều tiếng nói của người dân cơ bản từ cùng một thế hệ, nhưng nhiều, nhiều tiếng nói từ hòn đảo và từ những người lưu vong, để nói chuyện về tương lai của Cuba. Khi Michael lần đầu tiên yêu cầu tôi phát biểu về Bàn Tròn Ba Lan, tôi đã nói, tôi không biết gì về Ba Lan, được rồi, ngoại trừ những gì tôi đọc trên báo chí, và một chút thông qua các kinh nghiệm di dân. Bởi vì trong kinh nghiệm Cuba, đối với chúng tôi “Polakos,” và tôi không biết các bạn có nói tiếng Tây Ban Nha không, những người Ba Lan là những người Do Thái đã đến Cuba trong những năm 1940. Và tôi sống ở Chicago, cho nên cũng thông qua kinh nghiệm di dân mà tôi đã biết được một phần về nước các bạn, các học giả những người là những người bạn và đồng nghiệp, các thợ điện, thợ mộc của tôi, con trai và con gái của họ ngày nay học tại trường đại học của chúng tôi, và với những người mà đôi khi chúng tôi thấy mình ở bên đối diện của các vấn đề chính trị, đặc biệt là khi nói đến vấn đề phân biệt chủng tộc và sắc tộc trong đời sống chính trị Chicago. Nhưng chúng tôi cũng thường thấy mình là các cộng sự cố gắng để tự do hóa chính sách nhập cư. Thế đấy đó là những gì tôi biết về Ba Lan. Tôi biết nhiều hơn một chút, tôi hy

vọng, sau cuối tuần này. Nhưng Michael cũng đã muốn tôi nói về khả năng áp dụng kinh nghiệm Bàn Tròn Ba Lan vào Cuba. Và theo một nghĩa nhất định, đó sẽ là một bài nói rất nhanh ở đây, bởi vì tôi thực sự nghĩ rằng nó không thể áp dụng được. Những gì tôi muốn nói về, tuy nhiên, là lý do tại sao tôi lại nghĩ rằng nó không thể áp dụng được, nhìn có lẽ vào một số nhân tố chính trị và thể chế mà trong trường hợp Ba Lan, từ những gì tôi hiểu, đã là hết sức cốt yếu đối với Bàn Tròn, và vì sao chúng là khác ở Cuba. Một vài năm trước, tôi nghĩ, chúng tôi đã có đủ loại tăng nhanh của ngành công nghiệp gia đình xung quanh những sự chuyển đổi, không sau sự sụp đổ của Bức tường, tôi sẽ không bao giờ nói điều đó, nhưng sau Bàn Tròn Ba Lan, theo một nghĩa nào đó dẫn đến mọi loại kế hoạch về những gì sẽ xảy ra. Nhưng đó là mười năm trước, và hôm nay, theo một nghĩa nào đó, một số chúng ta đã hơi chán với điều đó, và có lẽ chúng ta có thể mô tả đặc trưng tình hình giữa những người Cuba nhiều hơn như một sự trực canh người chết, bởi vì Pikus của chúng tôi – có phải bạn nói thế không? – Pikus của chúng tôi là rất lớn và vẫn còn sống, cho nên chúng tôi có một con canh người chết. Với một giọng âm trầm hơn, tôi muốn bắt đầu cuộc thảo luận về Cuba với một giai thoại cá nhân. Một vài năm trước, thực sự không phải là một vài năm trước mà trong đầu các năm 1980, đã tình cờ là một phần của một đoàn đại biểu của những người lưu vong Cuba trẻ tại thời điểm đó những người đã cố gắng để đối thoại và tập hợp lại những người đã bỏ đi với những người đã ở lại Cuba. Và như một phần của đoàn, chúng tôi đã được đưa tới một số nơi. Và một trong số đó là Granma, mà, như một số trong các bạn có thể biết, là tờ báo chính thức của đảng cộng sản Cuba. Và vào thời điểm đó, Enrique Mendoza là [tổng] biên tập. Và tình cờ đã đúng là đêm khi tin tức về thiết quân luật đang đến, và ông đã có máy telex nhỏ này ngay trong văn phòng của mình, và khi những tin tức đã được nhận xong, phản ứng của Enrique đã, bạn biết, ông đã là một người Công giáo, cho nên ông đã có một mệnh lệnh đạo đức, phản ứng của ông là rất, rất mạnh mẽ. Và ông nói, tôi không biết họ đang làm những gì, họ đang không bảo vệ ở chủ nghĩa cộng sản ở đó, không có chủ nghĩa cộng sản ở Ba Lan, họ nên lắng nghe các công nhân. Tôi đã nghĩ điều đó rất thú vị, năm mà tôi đã rời trường đại học, và tôi cũng đã là

một nhà tổ chức công đoàn trong thời gian đó, và đã có một tia sáng cho tôi trong cuộc họp đó. May thay, tin tức chính thức - ông đã được mời đi một cuộc họp quan trọng - tin tức chính thức cuối cùng đã được đưa tin về cơ bản như các công nhân tư bản chủ nghĩa ở Ba Lan muốn thay đổi và điều này và điều nọ và điều khác, và theo nghĩa nào đó là một sự bảo vệ thiết quân luật. Enrique, nhiều năm sau đó, đã làm cái mà một số người Cuba đã làm trong lịch sử và đã tự tử, thực sự vào ngày 26 tháng Bảy. Cho nên, theo một nghĩa nào đó, tôi có ý, tôi muốn chia sẻ điều đó với bạn, như cái đã có thể là một số hạn chế trong những cách mà khi chúng ta nói về chính phủ Cuba, nó không phải là một nguyên khối, nhưng nó gắn bó lại với nhau bởi một sự kìm kẹp nguyên khối. Tôi muốn chuyển sự chú ý của tôi bây giờ đến một số tác nhân, các tác nhân thể chế, và sau đó dành phần cuối của mười lăm phút rất ngắn của tôi ở đây cho những gì đang diễn ra ngày nay. Khi chúng ta nhìn vào những thứ khác nhau, tôi nghĩ, trong trường hợp của Cuba, một là nguồn gốc lịch sử của bản thân chính phủ. Và tôi muốn nhấn mạnh lịch sử bởi vì tôi không nghĩ rằng đây là cách mọi người còn liên hệ đến nó nữa. Nhưng tôi nghĩ như mọi người đều hiểu, và hiển nhiên, các bạn hiểu, ký ức lịch sử là rất, rất quan trọng. Chúng mang tính cá nhân; ký ức cá nhân là quan trọng đối với những gì xảy ra và các thứ diễn ra thế nào. Và ký ức lịch sử rất quan trọng đối với diễn tiến của các sự kiện và các xã hội. Và chính phủ Cuba, bất kể nó đã trở thành cái gì, là một chính phủ mà đã nổi lên từ một cuộc cách mạng nhân dân, cấp tiến, dân tộc chủ nghĩa. Và với tư cách như vậy, vẫn nhận là có tính hợp pháp nhất định đối với dự án cụ thể đó. Thứ hai, Hoa Kỳ, không giống như sự giúp đỡ mà nó đã trao cho nền dân chủ ở Ba Lan, đã không nhất thiết là một người bạn của các nền dân chủ ở châu Mỹ Latin, đặc biệt không ở Cuba. Và vì thế, như vậy, chúng ta cần phải nhớ bối cảnh khác đó. Và quả thật, chỉ là một tin phụ ở đây, khi chính quyền Reagan đã đang giúp Đoàn kết để đẩy lui chủ nghĩa cộng sản, nó cũng đã đồng thời tăng cường quan hệ với chính phủ quân sự rất tàn bạo khắp Trung Mỹ. Như thế các tín hiệu ở bán cầu này là rất khác với ở châu Âu. Thứ ba, và điều này lần nhiều đường khác nhau, đảng cộng sản ở Cuba đã thực sự là một đảng đã tạo thành một liên minh với chính phủ Batista, ý tôi muốn nói, đó đã là,

không, thực ra, lúc đó, họ đã cảm thấy rằng các cuộc cách mạng đã không thể đến với các nước kém phát triển và Fidel Castro đã là một kẻ đảo chính vân vân và vân vân. Nhưng đảng cộng sản đã kiểm soát một số nghiệp đoàn quan trọng nhất ở Cuba. Và vì thế khi cách mạng thành công, các nghiệp đoàn này mất uy tín trong bối cảnh của một chế độ quốc gia và dân túy mới. Thứ tư, bản thân Giáo Hội là rất khác, tình hình là rất, rất khác ở Cuba. Họ nói rằng những người Cuba là những người Công Giáo vào Chủ nhật và thế đó, và tôi sẽ nói có lẽ còn ít hơn thế. Bất chấp tất cả những hình ảnh nổi tiếng mà chúng ta đã thấy, trước Monica Lewinsky, với Đức Giáo Hoàng thăm Cuba và hàng ngàn hàng ngàn người Cuba đi ra các đám đông khác nhau, có một lịch sử lâu dài của Giáo Hội thực sự là một phần của chính quyền thực dân, và với tư cách như vậy đã không có ở đó khi quốc gia Cuba hình thành. Tôi đang nói về năm 1898 ở đây. Và cũng có sự tràn vào mạnh của các tôn giáo Afro-Cuba mà là tôn giáo phổ biến hơn của Cuba. Như thế ngay cả các giáo dân Công giáo những người đi vào ngày chủ nhật thường thường tu tập, chính thức hoặc không chính thức, đủ loại tôn giáo khác. Và tôi nghĩ đó là một sự khác biệt rất quan trọng. Tuy nhiên, tôi muốn lưu ý rằng Giáo Hội Công Giáo, trong những năm 1940, đã bắt đầu tuyển dụng người Cuba làm các linh mục, một việc họ đã không làm cho đến thập kỷ đó, và như thế, đã có những linh mục trẻ, những người đã tham gia cuộc cách mạng chống lại Batista, và thực ra, tôi sẽ nói rằng đã là những người Công giáo cấp tiến, có thể là những người báo trước của thần học giải phóng trên khắp châu Mỹ Latin, mà đã tạo khung những gì đã trở thành nền tảng công bằng xã hội của bản thân cuộc cách mạng. Tuy nhiên, những người Công giáo cấp tiến, giống như những người khác, những người đã trở thành bất mãn ... cảm ơn ... rất cuộc đi đến một thỏa ước với ma quỷ, họ bán mình, bán linh hồn của họ, theo một nghĩa nào đó cho Hoa Kỳ. Và như thế, họ sẽ mất tính chính đáng, một lần nữa, trên đấu trường quốc gia. Gắn với sự thực là cuộc cách mạng được xuất khẩu thông qua di cư hoặc bị bỏ tù, qua các bản án rất dài, hầu hết sự đối lập của nó, chúng tôi bị bỏ lại với những tranh luận, nếu bạn muốn gọi thế, rất rất yếu đối với chính phủ đó. Một nhân tố khác ở đây, mà tôi nghĩ là quan trọng liên quan đến việc hiểu những khác biệt, đã là sự cấm

vận của Mỹ đối với Cuba, mà theo một ý nghĩa nào đó đã cô lập Cuba và đã kéo nó gần hơn đến, hoặc đẩy nó vào, khu vực Soviet. Và kết quả của việc đó đã là Liên Xô rút cuộc đã cấp cho chế độ rất nhiều nguồn lực mà với chúng chế độ đã tạo ra cả một bộ máy đàn áp vô cùng tinh vi, lẫn đồng thời đã có các nguồn lực để thực chất cám dỗ “quần chúng,” trong dấu ngoặc kép ở đây, và các trí thức. Bởi vì các trí thức ở Cuba cả đã bị quyền rũ, lẫn đã bị kiểm chế bởi ngôn từ dân tộc chủ nghĩa cực đoan. Điều đó bỏ chúng tôi ở đâu ngày nay? Tôi nghĩ vào cuối thập niên 80, tác phẩm đã ở trên trên tường cho chính phủ Cuba. Và thực ra, đã có một cuộc thanh trừng lúc đó, năm 1989, có thể một số người không nhớ, Tướng Ochoa và những người khác của Bộ Nội vụ. Tôi không nghĩ đây đã là cuộc cải tổ ở Cuba. Tôi thậm chí không nghĩ đó đã là một cuộc đảo chính chính trị, mà đã là một sự chia rẽ nội bộ sâu sắc, về họ định vị bản thân mình thế nào tại thời điểm cụ thể đó theo thời gian theo những gì đang diễn ra ở Trung Mỹ. Nhưng các cuộc thanh trừng sâu đã ở đó. Nhưng bộ máy an ninh tuy nhiên đã quyết định rằng cần tạo ra một hình ảnh tự do cho xuất khẩu và đã cho phép sự xuất hiện của các nhóm nhân quyền trên khắp hòn đảo. Một lần nữa, việc này bị tranh cãi rất nhiều bên trong bộ máy quan liêu và vẫn còn được tranh luận ngày nay. Nhưng phong trào nhân quyền, và tôi không muốn, ý tôi muốn nói là nó phức tạp hơn thế nhiều, nhưng hiển nhiên, về mặt thời gian, chỉ cần kể cho bạn chuyện phần nào phổ biến, hay chuyện đùa, về phong trào quyền con người trên đảo, mà họ nói cứ mỗi mười người, thì bốn làm việc cho an ninh quốc gia, bốn làm việc cho CIA, và hai người kia là hoàn toàn điên rồ, bởi vì bạn hẳn phải là hoàn toàn điên rồ để đối đầu trực tiếp chống lại nhà nước Cuba. Có thể, ý tôi muốn nói, ngay cả tin tức cách đây vài tuần, bốn, bốn, bốn nhà bất đồng chính kiến bị bỏ tù, gây ấn tượng. Không phải là các bản án dài, không phải là sự thực rằng có việc bỏ tù, mà sự thực rằng đã chỉ có bốn người. Sự sụp đổ của Liên Xô, tôi nghĩ, dẫn đến sự đàn áp nhiều hơn ở Cuba. Nó cũng buộc chính phủ phải bắt đầu tái cơ cấu nền kinh tế. Như thế theo một nghĩa nào đó, quá trình chuyển đổi kinh tế đã xảy ra rồi, nhưng nó có lẽ được gọi là Chủ nghĩa Lenin thị trường. Tức là, đã có một sự chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế, nơi có chủ nghĩa tư bản nhà nước đồng thời đã có sự đóng không gian



chính trị, mặc dù ngôn từ đã thay đổi từ ngôn từ mà đã quen dựa chỉ vào ngôn từ xã hội chủ nghĩa sang một ngôn từ dân tộc chủ nghĩa hơn. Và kiểu ngôn từ này thực ra đã bao gồm sự cho phép người Công giáo, chẳng hạn, trở thành thành viên của đảng cộng sản. Nhân tố khác ở đây, và - chuyến viếng thăm của Đức Giáo Hoàng là rất phức tạp - ý tôi muốn nói, hy vọng được nêu lên trong một số câu hỏi, nhưng, về tác động đã là gì. Yếu tố khác trong tam giác của chúng tôi, tức là ba bên ở đây, Mỹ, Cuba, yếu tố quan trọng khác ở đây là cộng đồng lưu vong. Và trong cộng đồng này, tôi nghĩ rằng đã có một số thay đổi đầy kịch tính và quan trọng. Có một thể hệ thứ hai mà ngày nay giữ một quan điểm rất khác về họ là ai, cả ở Mỹ lẫn về mối quan hệ của họ với Cuba, những người không kêu gọi tiếp quản chính phủ. Hầu hết muốn rất nhiều, không thực sự chính trị theo ý nghĩa đó, mà đúng hơn, muốn đưa tay ra giúp hòn đảo này rất nhiều. Và quả thực, đã là ai đó từ Miami, từ thể hệ này, người đi cùng các giám mục Miami và (tên bị mờ) để cố gắng thuyết phục Đức Giáo Hoàng rằng một cuộc viếng thăm Cuba có thể bị bán, theo một nghĩa nào đó, cho cộng đồng lưu vong. Cũng có thể hệ của các năm 80 từ hòn đảo những người gần đây đã bỏ đi. Và thể hệ di dân này, tôi nghĩ, đã không, là rất khác. Họ chỉ trích chính phủ từ cánh tả rất rõ ràng và đã đang tìm kiếm cái được gọi là lựa chọn thứ ba. Tôi nghĩ vượt xa hơn điểm chung mà chúng ta có bây giờ là một sự hiểu biết về những sự khác biệt, tức là, rằng chúng ta rất khác nhau, và với tư cách như vậy, chúng ta cần một hệ thuyết (paradigm) chính trị khác, một paradigm, một lần nữa, mà có lẽ là ít kịch tính hơn một cuộc cách mạng lớn, mà đúng hơn là một hệ thuyết mà, bạn biết, nhiều hơn các chi tiết cơ bản một chút, về các nhà kỹ trị giỏi, các quan chức được bầu một cách dân chủ. Và để kết thúc, điều tôi muốn nói là những phản ứng với những thay đổi trong cộng đồng Cuba, thực sự về phần chính phủ Cuba đã rất, rất tinh vi, và như vậy đã bao gồm đủ loại đầu nấp và, bởi vì, cộng đồng hiện nay là, các khoản kiều hối là [phần] tổng sản phẩm quốc gia (GNP) hàng đầu cho Cuba. Và các phản ứng của Hoa Kỳ cũng đã rất rụt rè với những thay đổi. Cảm ơn.

Dịch giả gửi trực tiếp cho *BVN*.

